

SỰ PHÙ HỢP CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ DO ĐẢNG CỘNG SẢN LÃNH ĐẠO VỚI NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TẠI VIỆT NAM

● NGÔ QUẾ LÂN

Khoa Lý luận chính trị - Đại học Bách khoa Hà Nội

TÓM TẮT:

Hệ thống chính trị do một đảng cộng sản lãnh đạo cùng với nền kinh tế thị trường dựa trên nhiều thành phần kinh tế và thị trường cạnh tranh là một mô hình đặc biệt, chưa có tiền lệ. Sự phù hợp của mô hình này được chứng minh trên cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của Karl Marx, cùng với thành tựu của Việt Nam trong thực tiễn triển khai đường lối chiến lược kinh tế - xã hội của Đảng. Nghiên cứu khẳng định ý nghĩa của Chủ nghĩa Marx-Lenin, nền tảng tư tưởng và tầm nhìn chiến lược của Đảng, làm căn cứ quan trọng khi đối thoại chính sách, để Việt Nam được công nhận nền kinh tế thị trường.

Từ khóa: Marx-Lenin, kiến trúc thượng tầng, kinh tế thị trường, hệ thống chính trị.

1. Đặt vấn đề

Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, kiến trúc thượng tầng phải phù hợp với cơ sở hạ tầng. Hệ thống chính trị thuộc về kiến trúc thượng tầng, mô hình tổ chức nền kinh tế thuộc về cơ sở hạ tầng. Vậy hệ thống chính trị do một đảng cộng sản lãnh đạo có phù hợp với nền kinh tế thị trường dựa trên nhiều thành phần kinh tế và thị trường cạnh tranh hay không?

Đây cũng là vấn đề nhiều quốc gia trên thế giới đặt ra cho Việt Nam, thậm chí căn cứ vào đó để áp đặt quan điểm cho rằng Việt Nam chưa có nền kinh tế thị trường đích thực, mà chỉ là nền kinh tế phi thị trường.

Như vậy, cần phải phân tích, làm rõ sự phù hợp của hệ thống chính trị do đảng cộng sản lãnh đạo với việc xây dựng nền kinh tế thị trường, từ căn cứ

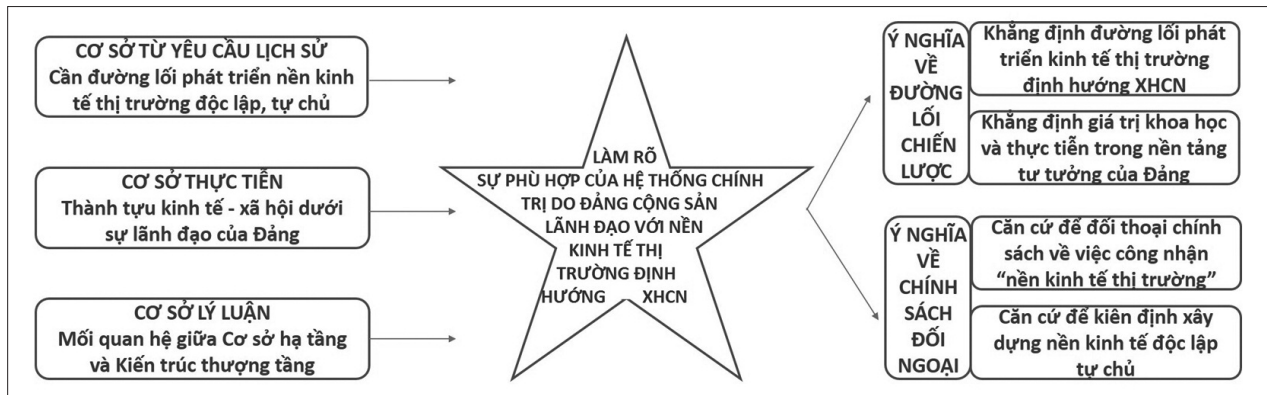
lý luận khoa học cho tới căn cứ thực tiễn của Việt Nam và trên thế giới. Điều này có ý nghĩa quan trọng để khẳng định sự đúng đắn và hiệu quả của mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đồng thời, còn có ý nghĩa để nhất quán đối thoại chính sách với các quốc gia trên thế giới, nhằm đạt được sự công nhận quy chế nền kinh tế thị trường cho Việt Nam. (Hình 1)

2. Cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng với kiến trúc thượng tầng

2.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng

- Cơ sở hạ tầng, với tư cách một phạm trù của chủ nghĩa duy vật lịch sử, là tổng hợp những quan hệ sản xuất tạo thành cơ cấu kinh tế của một xã hội nhất định. Thông thường, trong một giai đoạn lịch

Hình 1: Sự phù hợp giữa hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo với nền kinh tế thị trường



Nguồn: Tổng hợp và đề xuất của tác giả

sử nhất định, cơ sở hạ tầng bao gồm: quan hệ sản xuất thống trị, quan hệ sản xuất tàn dư, quan hệ sản xuất mầm mống (tương lai).

- Kiến trúc thượng tầng, với tư cách một phạm trù của chủ nghĩa duy vật lịch sử, là toàn bộ hệ thống kết cấu các hình thái ý thức xã hội cùng với các thể chế, thiết chế chính trị - xã hội tương ứng, được hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định.

Trong đó, các hình thái ý thức xã hội cụ thể có: những quan điểm chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật... Còn những thiết chế xã hội tương ứng bao gồm nhà nước, đảng phái, giáo hội, các tổ chức chính trị, đoàn thể xã hội... Theo Chủ nghĩa Marx-Lenin, trong xã hội có giai cấp, kiến trúc thượng tầng mang tính giai cấp, nên đảng phái cùng với nhà nước là những bộ phận cốt lõi và có ảnh hưởng sâu rộng nhất của kiến trúc thượng tầng.

2.2. Mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng giá trị và kiến trúc thượng tầng

- Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng tương ứng

Theo quan điểm của Chủ nghĩa Marx-Lenin, cơ sở hạ tầng quyết định nội dung, tính chất và sự vận động biến đổi của kiến trúc thượng tầng. Tương ứng với một cơ sở hạ tầng, sẽ hình thành nên một kiến trúc thượng tầng phù hợp, có tác dụng bảo vệ cơ sở hạ tầng đó.

Sự phụ thuộc của kiến trúc thượng tầng vào cơ sở hạ tầng có nguyên nhân là do vai trò quyết định của kinh tế đối với toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của xã hội.

- Kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối và tác động trở lại cơ sở hạ tầng

Tuy rằng kiến trúc thượng tầng là sự phản ánh của cơ sở hạ tầng, song đó không phải là sự phụ thuộc rập khuôn một chiều. Các bộ phận của kiến trúc thượng tầng đều có tính độc lập tương đối và tác động một cách mạnh mẽ trở lại cơ sở hạ tầng, có thể diễn ra theo 2 chiều hướng:

Nếu kiến trúc thượng tầng phù hợp với cơ sở hạ tầng thì thúc đẩy cơ sở hạ tầng phát triển, tức là nền kinh tế - xã hội phát triển.

Nếu kiến trúc thượng tầng không phù hợp với cơ sở hạ tầng thì kìm hãm, phá hủy cơ sở hạ tầng, tức là nền kinh tế - xã hội trì trệ, khủng hoảng.

- Thành tựu thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm chứng sự phù hợp giữa kiến trúc thượng tầng với cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng tồn tại trong sự vận động, tương tác qua lại với nhau không ngừng, tạo nên mối quan hệ biện chứng. Quá trình đó diễn ra đồng bộ với quá trình vận động của nền kinh tế - xã hội trong thực tiễn, tạo nên kết quả là sự thúc đẩy hoặc sự kìm hãm đối với nền kinh tế - xã hội. Vì vậy, để kiểm chứng sự phù hợp giữa kiến trúc thượng tầng với cơ sở hạ tầng thì các thành tựu và kết quả thực tiễn là tiêu chuẩn chủ đạo.

3. Sự phù hợp giữa hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản lãnh đạo với nền kinh tế thị trường tại Việt Nam

Về cơ sở hạ tầng, từ quá trình đổi mới đến nay, quan hệ sản xuất tại Việt Nam dựa trên nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế. Trong đó, thành phần kinh tế nhà nước giữ

vai trò chủ đạo và mô hình kinh tế - xã hội là “nền kinh tế thị trường định hướng XHCN”.

Về kiến trúc thượng tầng, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất của hệ thống chính trị, có vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội như được quy định tại Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013.

Như vậy, cần làm rõ kiến trúc thượng tầng chỉ có một Đảng cầm quyền trong hệ thống chính trị thì phù hợp thế nào với cơ sở hạ tầng dựa trên nền kinh tế thị trường có đặc thù là tính cạnh tranh, với nhiều thành phần kinh tế.

3.1. Sự phù hợp về cơ sở lý luận

- Thứ nhất, kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối, chứ không phải sự rập khuôn máy móc của cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng tại Việt Nam dựa trên quan hệ sản xuất có nhiều hình thức sở hữu và nền kinh tế thị trường có tính cạnh tranh. Tuy nhiên, như đã chỉ ra tại mục 2.2, vì tính độc lập tương đối của kiến trúc thượng tầng với cơ sở hạ tầng, nên không nhất thiết phải tồn tại nhiều đảng phái trong kiến trúc thượng tầng.

Bên cạnh đó, thành phần kinh tế nhà nước (đại diện cho chế độ công hữu) giữ vai trò chủ đạo. Vậy nên, việc chỉ có đảng cộng sản (đại diện cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc) lãnh đạo hệ thống chính trị là sự phù hợp của kiến trúc thượng tầng với cơ sở hạ tầng mà chế độ công hữu giữ vai trò chủ đạo.

- Thứ hai, kiến trúc thượng tầng vẫn chứa đựng tính đa dạng và tính đấu tranh trong hệ thống chính trị, phù hợp với tính đa dạng và cạnh tranh của cơ sở hạ tầng kinh tế

Kiến trúc thượng tầng tại Việt Nam bao hàm hệ thống chính trị mà Đảng Cộng sản lãnh đạo, đồng thời tồn tại các tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho các thành phần xã hội gồm: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam (Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013). Các tổ chức chính trị - xã hội cũng thực hiện chức năng tham gia giám sát và xây dựng thể chế.

Bên cạnh đó, Đảng Cộng sản cầm quyền cũng là hệ thống có phân cấp, phân quyền, có các bộ

phận thực hiện chức năng giám sát, đấu tranh phòng chống tham nhũng, lạm quyền.

Chính vì vậy, hệ thống chính trị vẫn mang tính đa dạng, tính đấu tranh, giám sát và phản biện, chứ không phải là sự độc đoán chính trị. Do đó, kiến trúc thượng tầng tại Việt Nam có sự phù hợp với tính đa dạng và cạnh tranh của cơ sở hạ tầng, dựa trên nền kinh tế thị trường nhiều thành phần.

3.2. Sự phù hợp về kết quả thực tiễn

Thành tựu kinh tế - xã hội từ quá trình đổi mới đến nay

Năm 1986, khi bắt đầu công cuộc đổi mới, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) Việt Nam chỉ khoảng 8 tỷ USD. Theo thống kê, giai đoạn 1986-2022, Việt Nam thuộc top 5 quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình cao nhất thế giới. Đến năm 2023, GDP Việt Nam đã đạt hơn 430 tỷ USD; GDP bình quân đầu người đạt mức gần 4.300 USD, tăng 58 lần so với những năm đầu đổi mới. Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 trong khu vực Đông Nam Á, đứng thứ 35 trên thế giới, quy mô thương mại quốc tế và sức thu hút đầu tư nằm trong top 20 của thế giới và được đánh giá là một trong những nền kinh tế năng động, có độ mở cao nhất thế giới...

Theo Báo cáo của Liên Hợp quốc, Việt Nam là một trong số ít quốc gia đã cơ bản hoàn thành 8 mục tiêu thiên niên kỷ (MDGs) trong giai đoạn 2000 - 2015, bao gồm: (1) Giảm tình trạng nghèo cùng cực; (2) Phổ cập giáo dục tiểu học; (3) Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ; (4) Giảm tỉ lệ tử vong ở trẻ em; (5) Nâng cao sức khỏe bà mẹ; (6) Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và dịch bệnh; (7) Bền vững về môi trường; (8) Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển.

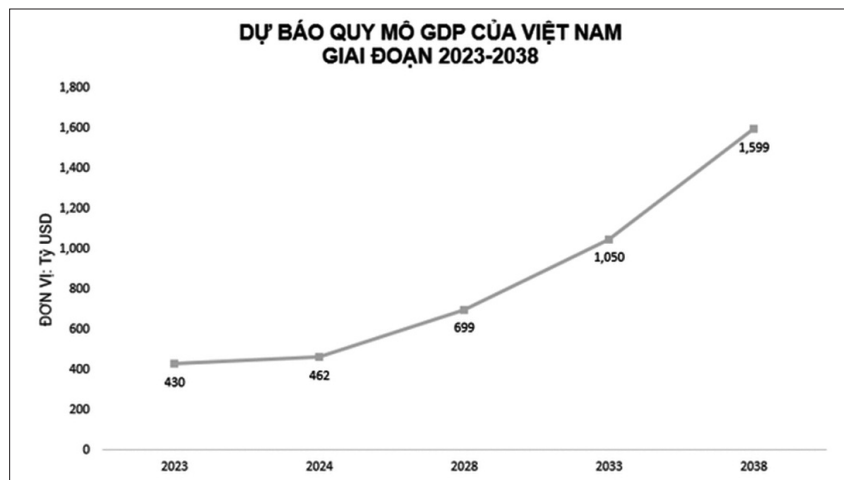
Từ năm 2016, Việt Nam đã cập nhật lộ trình thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, cùng với 115 mục tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện và ưu tiên phát triển của đất nước.

- Triển vọng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2045

Trên bình diện quốc tế, Việt Nam đã có quá trình hội nhập sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức. Việt Nam là đối tác mà nhiều quốc gia trên thế giới muốn hợp tác, do có nhiều tiềm năng về con người, tài nguyên, vị trí địa lý và vị thế chính trị trong khu vực

Các quốc gia có nền kinh tế hàng đầu thế giới

Hình 2: Dự báo quy mô GDP của Việt Nam giai đoạn 2023-2038



Nguồn: World Economic League Table 2024 (CEBR - UK)

và châu Á đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện (cấp độ quan hệ ngoại giao cao nhất) với Việt Nam, gồm có: Mỹ (2023), Trung Quốc (2008), Nhật Bản (2023), Nga (2012), Hàn Quốc (2022), Ấn Độ (2016), Australia (2024).

Việt Nam đang có triển vọng trở thành một trung tâm trong chuỗi sản xuất và thương mại toàn cầu, đặc biệt là trong các lĩnh vực về công nghiệp bán dẫn và nông nghiệp. Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Vương quốc Anh (CEBR-UK) đưa ra dự báo đến năm 2038, nền kinh tế Việt Nam sẽ đạt quy mô lớn thứ 21 trên thế giới. Từ đó, làm cơ sở để hiện thực hóa mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045.

Thực tiễn là tiêu chuẩn để kiểm nghiệm chân lý, nên những thành tựu kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế đã cho thấy sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với hệ thống chính trị là hoàn toàn phù hợp, tạo nên tác động thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

3.3. Sự phù hợp về đường lối phát triển trong tiến trình lịch sử

Xây dựng nền sản xuất hàng hóa, phát triển tới trình độ cao, trở thành nền kinh tế thị trường là quy luật chung trong tiến trình vận động của lực lượng sản xuất, Việt Nam không đi ngoài quy luật đó.

Tuy nhiên, nền kinh tế thị trường trong chủ nghĩa tư bản bộc lộ những mâu thuẫn, hạn chế không thể tự điều hòa. Thực tiễn cho thấy những

xung đột kinh tế và chính trị trên thế giới đã và đang diễn ra như một quy luật, với sự phức tạp và rủi ro ngày càng lớn. Chính vì thế, để đạt được sự phát triển bền vững, Việt Nam cần xây dựng nền kinh tế thị trường, nhưng theo một mô hình mới, không phải mô hình chủ nghĩa tư bản.

Nhằm đáp ứng yêu cầu lịch sử đó, giải pháp phù hợp cho đường lối phát triển chính là mô hình kiến trúc thượng tầng có một Đảng Cộng sản lãnh đạo trong hệ thống chính trị, cùng với cơ sở hạ tầng có nhiều hình

thức sở hữu, trong đó chế độ công hữu là chủ đạo.

Mô hình này cũng dựa trên bài học kinh nghiệm lịch sử từ chính sách kinh tế mới (NEP) do Lenin khởi xướng và được chính quyền Bolshevik ban hành ngày 21/03/1921. Đó là chính sách kinh tế hướng ra thị trường, nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu và vận hành dựa trên các quan hệ thị trường, kết hợp với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản về chính trị (Chính sách kinh tế mới của V.I.Lenin và ý nghĩa thời đại của nó. Tạp chí Cộng sản T4/2021). Tuy chỉ áp dụng một thời gian ngắn, chính sách này đã đưa Liên Xô vượt qua sự tàn phá nặng nề bởi nội chiến, gây dựng được nền tảng cơ sở vật chất kỹ thuật cho một cường quốc về sau.

Như vậy, hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo là hoàn toàn phù hợp với nền kinh tế thị trường, khi xét về bối cảnh lịch sử đương đại cũng như xét về bài học kinh nghiệm lịch sử.

4. Ý nghĩa của việc làm rõ sự phù hợp giữa hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản lãnh đạo với nền kinh tế thị trường tại Việt Nam

4.1. Ý nghĩa về đường lối chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

- Khẳng định đường lối phát triển theo mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN

Mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN là chưa có tiền lệ trên thế giới. Do đó, sự triển khai thực tiễn gắn liền với sự nghiên cứu, đúc kết và từng bước hoàn thiện mô hình. Trong quá trình này,

không thể tránh khỏi những cung bậc thăng trầm và góc nhìn quan ngại.

Vì vậy, làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng là phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN sẽ mang ý nghĩa khẳng định tính đúng đắn của đường lối chiến lược mà Việt Nam đang triển khai, vì mục tiêu độc lập, tự chủ và phát triển bền vững.

- Khẳng định giá trị khoa học và thực tiễn trong nền tảng tư tưởng của Đảng

Về sự lãnh đạo của Đảng đối với nền kinh tế thị trường, tồn tại quan điểm phản biện, cho rằng đó là sự mâu thuẫn giữa hệ thống chính trị với mô hình kinh tế, hoặc cho rằng đó là sự phủ định Chủ nghĩa Marx-Lenin. Điều đó đòi hỏi sự đấu tranh lý luận, dựa trên căn cứ khoa học và thực tiễn.

Những phân tích ở trên đã làm rõ sự lãnh đạo của Đảng là đảm bảo tính khoa học về mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng với kiến trúc thượng tầng, được kết quả thực tiễn kiểm chứng về hiệu quả kinh tế - xã hội, đồng thời đáp ứng yêu cầu lịch sử về một đường lối chiến lược cho nền kinh tế độc lập, tự chủ và phát triển bền vững.

Điều đó khẳng định giá trị khoa học trong lý luận của Karl Marx về cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, khẳng định bài học từ Lenin về chính sách kinh tế hướng ra thị trường. Đồng thời, khẳng định cho tầm nhìn lý luận, đường lối đổi mới, sáng tạo, bám sát thực tiễn của Đảng.

4.2. Ý nghĩa về chính sách hội nhập kinh tế quốc tế

- Đảm bảo sự nhất quán chính sách trong đàm phán về việc công nhận nền kinh tế thị trường cho Việt Nam

Đến hết tháng 5/2024, hơn 70 quốc gia công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường, trong đó có một số nền kinh tế lớn như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga, Australia,... Tuy nhiên, nhiều quốc gia vẫn đánh giá Việt Nam chỉ có nền kinh tế phi thị trường. Bị coi là “nền kinh tế phi thị trường” thì những hồ sơ giải trình xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu sản xuất tại Việt Nam sẽ không được coi là hợp lệ, doanh nghiệp sẽ mất đi cơ hội tự bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình trước pháp luật của nước nhập khẩu. Đây là một áp đặt chính sách có tính bất bình đẳng mà nhiều quốc gia áp dụng, để khiến doanh nghiệp Việt Nam gặp bất lợi, nếu phải đối diện với cáo buộc

“bán phá giá” khi xuất khẩu hàng hóa vào lãnh thổ của họ.

Tại mục 3 cũng đã làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn, cho thấy sự lãnh đạo của Đảng vẫn phù hợp với sự đa dạng thành phần kinh tế và tính cạnh tranh trên thị trường. Điều đó tạo căn cứ vững chắc để Việt Nam duy trì sự nhất quán trong quá trình đối thoại chính sách, đàm phán với các quốc gia khác (nhất là Mỹ) để được công nhận “nền kinh tế thị trường”.

- Đảm bảo sự kiên định “nền kinh tế độc lập, tự chủ” trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam phải đối diện với tác động nhiều mặt về kinh tế và chính trị từ các nước lớn. Đây là đặc điểm Lenin đã chỉ ra về “sự phân chia thế giới giữa các cường quốc”.

Những diễn biến quốc tế phức tạp và đa chiều có thể tạo ra tác động vào định hướng phát triển của Việt Nam, thậm chí còn có nguy cơ chuyển hóa chính trị - xã hội. Đặt vào bối cảnh đó, vấn đề cần giải quyết là giữ vững được định hướng phát triển, đảm bảo sự độc lập, tự chủ trước những xoay chuyển của cục diện toàn cầu, như đường lối “ngoại giao cây tre” đặt ra.

Vì vậy, làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn về sự phù hợp giữa hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo đối với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có ý nghĩa quan trọng. Bởi vì đó là nền tảng cho sự tin tưởng, sự kiên định xây dựng “nền kinh tế độc lập, tự chủ”, tiếp nối chặng đường lịch sử của dân tộc, đấu nhiều thăng trầm, song luôn đạt được những bước tiến vững chắc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

5. Kết luận

Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản lãnh đạo là mô hình chưa có tiền lệ. Tuy nhiên, sự lãnh đạo của Đảng đối với nền kinh tế thị trường là phù hợp với lý luận của Marx về cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, cùng với bài học của Lenin về chính sách kinh tế hướng ra thị trường.

Bên cạnh đó, thành tựu kinh tế - xã hội trong thực tiễn là minh chứng thuyết phục về sự phù hợp giữa hệ thống chính trị với nền kinh tế thị trường tại Việt Nam. Từ đó, đem lại ý nghĩa bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng về đường lối chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Đồng thời, những cơ sở khoa học và thực tiễn về

nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là căn cứ vững chắc để Việt Nam kiên định quan điểm trong đối thoại chính sách với các quốc gia khác, giành

được sự “công nhận nền kinh tế thị trường”, khẳng định vị thế mới, tiếp tục hướng đến sự phát triển bền vững, độc lập và tự chủ kinh tế ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Quốc hội (2013). Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. NXB Hà Nội 2023, ISBN: 8935075953581.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). Giáo trình Triết học Mác-Lênin. NXB Chính trị Quốc gia 2021, ISBN: 9786045765944.
- Trần Nguyễn Tuyên (2021). Chính sách kinh tế mới của V.I.Lenin và ý nghĩa thời đại của nó. Tạp chí Cộng sản T4/2021, ISSN: 2734-9071.
- Bảo Ngọc (2024). Quy mô kinh tế Việt Nam thứ 35 thế giới, còn có thể làm tốt hơn. Báo Tuổi trẻ ngày 31/03/2024, ISSN: 0868-3999.
- CEBR - Centre for Economics and Business Research (UK) 2024. World Economic League Table 2024 (WELT).

Ngày nhận bài: 15/1/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 28/1/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 16/2/2025

THE POLITICAL-ECONOMIC MODEL OF VIETNAM: SUITABILITY OF A COMMUNIST PARTY-LED SYSTEM IN A SOCIALIST-ORIENTED MARKET ECONOMY

● NGO QUE LAN

Faculty of Political Theory,
Hanoi University of Science and Technology

ABSTRACT:

Vietnam's political system, led by the Communist Party of Vietnam, combined with a multi-sectoral, competitive market economy represents a unique and unprecedented development model. This study examines the compatibility of this model through the lens of Karl Marx's theory on the relationship between the economic base (infrastructure) and the superstructure. It also draws on Vietnam's socio-economic achievements under the leadership of the Communist Party of Vietnam to support this assessment. The findings affirm the continued relevance of Marxism-Leninism as the ideological foundation and strategic vision of the Party, highlighting its crucial role in policy formulation. The study argues that this foundation not only guides national development but also strengthens Vietnam's case for international recognition as a market economy.

Keywords: Marx-Lenin, superstructure, market economy, political system.